
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.87	0.44	0.15	0.00	3Y	0.73	0.028
1W	2.84	0.28	0.20	0.00	5Y	0.94	0.028
2W	2.77	0.24	0.24	0.00	7Y	1.36	0.036
1M	2.59	0.09	0.31	-0.01	10Y	2.14	0.031
2M	2.60	0.07	0.38	-0.01	15Y	2.46	0.039
3M	2.57	0.04	0.51	0.01			
6M	2.67	0.08	0.77	0.04			
9M	2.78	0.11	1.08	0.05			
1Y	3.08	0.06	1.14	0.01			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
09-02-22	1	14	2.50	10,000	7,937.99	3,914.97	4,023.02	27,557.13
08-02-22	1	14	2.50	5,000	4,478.49	970.45	3,508.04	23,534.11
07-02-22	1	14	2.50	5,000	1,508.41	2,937.43	- 1,429.02	20,026.07

Thị trường TPCP sơ cấp

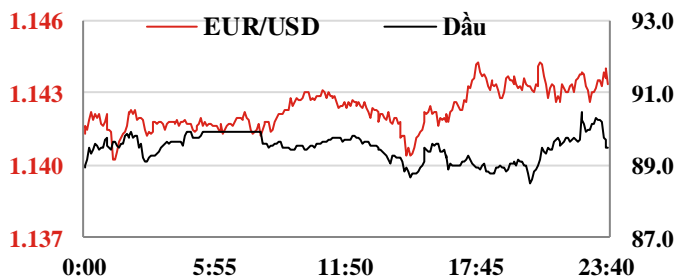
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	9-Feb-22	7	500	0	0.00%	0.00%
MOF	9-Feb-22	10	3000	2000	2.09%	0.01%
MOF	9-Feb-22	15	2000	1500	2.39%	0.02%
MOF	9-Feb-22	20	1000	600	2.75%	0.00%
Tổng			6500	4100		

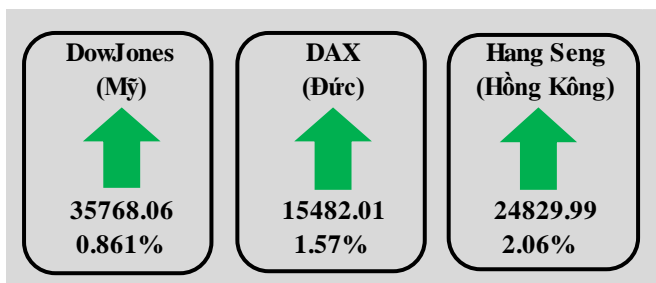
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1505.38	424.19	112.00
%/ngày	0.29%	1.51%	0.43%
%/31/12/2021	0.47%	-10.5%	-0.6%
KLGD (tr.đ.vị)	794.74	64.77	60.1
GTGD (tỷ đ)	25237.37	1885.76	1323.18
NĐINN mua (tỷ đ)	2314.94	37.18	0.98
NĐINN bán (tỷ đ)	2098.23	6.02	0.10

Tin trong nước ngày 09/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 09/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.104 VND/USD, tăng mạnh 14 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.695 VND/USD, giảm 15 đồng so với phiên 08/02. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 10 đồng ở chiều mua vào và 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.550 VND/USD và 23.630 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 09/02, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng mạnh 0,09 – 0,44 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,87; 1W 2,84%; 2W 2,77 và 1M 2,59%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,24%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tiếp tục tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 0,73%; 5Y 0,94%; 7Y 1,36%; 10Y 2,14%; 15Y 2,46%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 7.937,99 tỷ đồng trúng thầu. Trong ngày có 3.914,97 tỷ đồng đảo hạn. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 4.023,02 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên mức 27.557,13 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 09/02, KBNN huy động thành công 4.100/6.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 63%). Trong đó, kỳ hạn 7 năm đấu thầu thất bại, kỳ hạn 10 năm huy động được 2.000/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động được 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động được 600/1.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 2,09%/năm (+0,01%), 2,39%/năm (+0,02%), 2,75%/năm (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, cả 3 chỉ số đều giao dịch biến động nhẹ trên mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 4,39 điểm lên 1.505,38 điểm (+0,29%); HNX-Index tăng 6,30 điểm (+1,51%) lên 424,19 điểm; UPCoM-Index tăng 0,48 điểm (+0,43%) lên 112,0 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 28.400 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng gần 249 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC),** doanh thu bán vốn nhà nước năm 2021 đạt 1.390 tỷ đồng trên giá vốn 457 tỷ đồng, đạt chênh lệch bán vốn 933 tỷ đồng. Như vậy, doanh thu và chênh lệch bán vốn tương ứng đạt 169% và 297% so với kế hoạch. Ngoài ra, Công ty CP XNK An Giang và Tổng công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam đã bán thành công trong tháng 12/2021, doanh thu đạt hơn 362 tỷ đồng, nhà đầu tư hoàn tất nộp tiền đầu tháng 01/2022.



	9 Feb 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	95.49	-0.16%	-0.46%	-0.49%
USD/CNY	6.36	-0.06%	0.02%	0.15%
USD/EUR	0.88	-0.07%	-1.04%	-0.47%
USD/JPY	115.49	-0.04%	0.92%	0.36%
USD/KRW	1194.05	-0.19%	-0.45%	0.51%
USD/SGD	1.34	-0.25%	-0.40%	-0.56%
USD/TWD	27.78	-0.10%	-0.05%	0.25%
USD/THB	32.70	-0.61%	-1.27%	-1.59%
USD/VND Trung tâm	23104	0.06%	0.02%	-0.18%
USD/VND LNH	22695	-0.07%	0.10%	-0.43%
USD/VND tự do	23550	-0.04%	0.43%	0.43%
Vàng	1832.43	0.38%	1.44%	0.22%
Dầu	89.66	0.34%	1.59%	19.21%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0777	0.0007				
1M	0.1227	-0.0030	0.3000	0.0000	0.0487	0.0000
3M	0.3774	0.0111	0.4375	-0.0002	0.0495	0.0000
6M	0.6346	-0.0053	0.5925	-0.0002	0.0493	0.0000
1Y	1.0937	0.0020				

Số liệu SIBOR ngày 08/02/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	10/03/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/03/2022

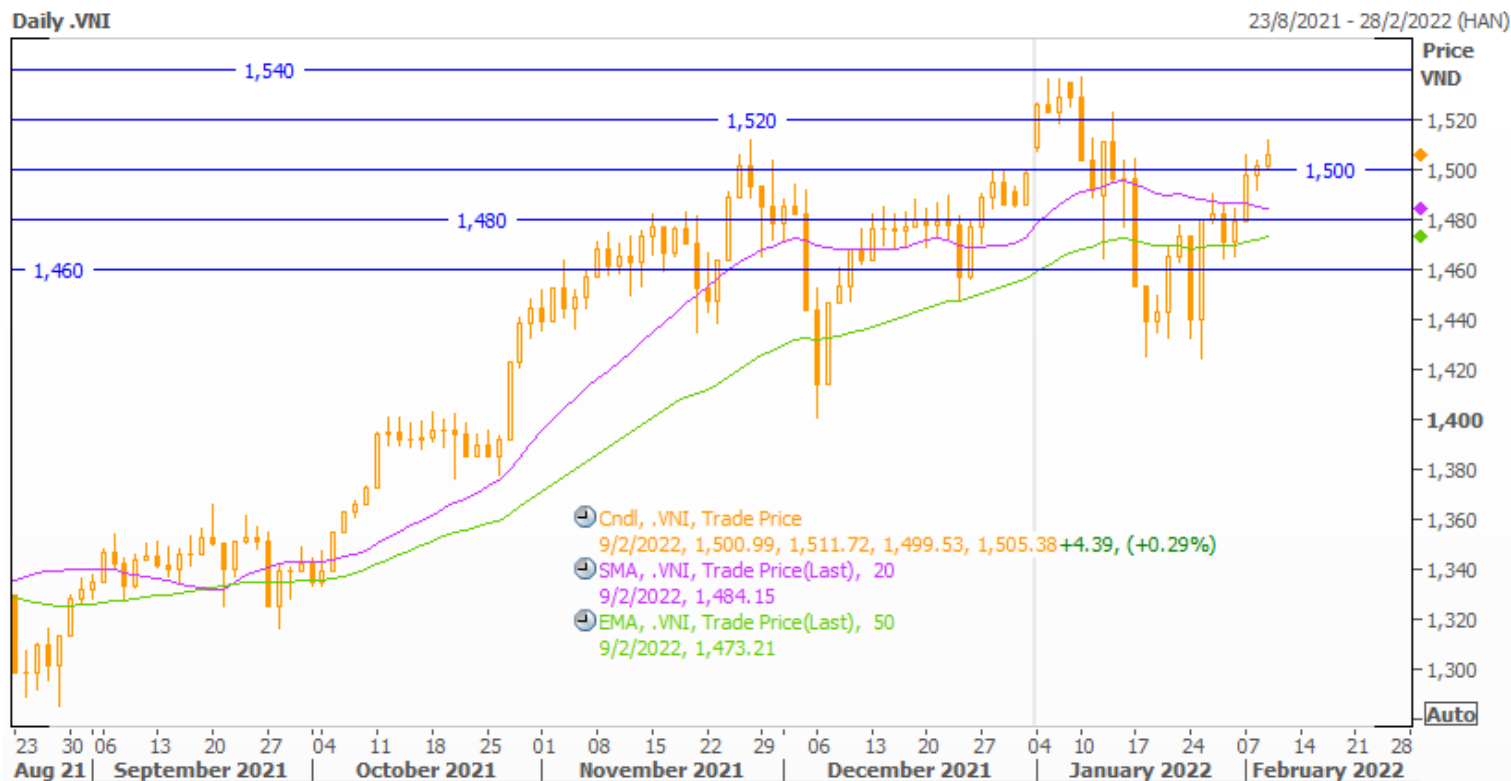
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Thặng dư cán cân thương mại nước Đức tiếp tục suy giảm trong năm 2021.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức Destatis cho biết cán cân thương mại của nước này trong tháng 12/2021 chỉ thặng dư 6,8 tỷ EUR, nhỏ hơn mức thặng dư 10,8 tỷ của tháng 11 và đồng thời nhỏ hơn mức thặng dư 11,3 tỷ theo dự báo. Như vậy, trong cả năm 2021, cán cân thương mại của nước này thặng dư 173 tỷ EUR, đánh dấu năm giảm sút thứ 5 liên tiếp. Trong năm 2020, cán cân thương mại của nước này thặng dư 180,4 tỷ EUR. Điểm tích cực là, trong năm 2021, xuất khẩu của nước Đức đạt 1375,5 tỷ EUR; tăng 14% so với năm 2020 và nhập khẩu đạt 1202,2 tỷ; tăng 17,1%.
- Niềm tin tiêu dùng tại Úc tiếp tục giảm.** Tổ chức Westpac khảo sát cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại nước Úc ở mức 100,8 điểm trong tháng 01/2022, giảm từ mức 102,2 điểm của tháng 12/2021. Như vậy, mức giảm trong tháng vừa qua vào khoảng 1,3% m/m, nối tiếp mức giảm 2,0% của tháng trước đó và đánh dấu tháng giảm thứ 3 liên tiếp. Nguyên nhân chủ yếu khiến niềm tin tiêu dùng của Úc đi xuống là do những áp lực lạm phát đang đè nặng lên tâm lý của thị trường. Bên cạnh đó, việc người dân kỳ vọng NHTW Úc RBA có thể tăng LSCS trở lại sớm hơn dự định cũng khiến cho sức chi tiêu yếu đi. Westpac cho rằng RBA có thể tăng LSCS vào khoảng cuối năm nay, dù cho NHTW này đã khẳng định sẽ không tăng LSCS ít nhất cho tới hết năm 2023.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
09 - 02	6:30	*	Niềm tin Westpac Úc T1	-1.3		-2.0
09 - 02	14:00	*	Cán cân thương mại Đức T12	6.8B	11.3B	10.9B
10 - 02	8:30	***	CPI toàn phần Mỹ mm T1		0.4	0.5
10 - 02	8:30	***	CPI lõi Mỹ mm T1		0.5	0.6
10 - 02	8:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		227K	238K

VN-INDEX



VN-Index tăng lên mức 1505,38 điểm. Xu hướng tăng giá trong ngắn hạn đang dần hình thành và có khả năng sẽ xác nhận khi VN-Index vượt đỉnh cũ quanh 1.535 điểm.

Nguỡng hỗ trợ: 1.480 – 1.460

Nguỡng kháng cự: 1.520 – 1.540

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn